

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam có phiên điều chỉnh nhẹ tương đồng với diễn biến giảm của TTCK Châu Á

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL giảm nhẹ trong bối cảnh TTCK thế giới điều chỉnh sau phiên họp FED diễn ra mới đây

[Tâm điểm cổ phiếu trong ngày]

VIC

[Quan điểm đầu tư]

Chờ chỉ số xuất hiện thêm nhịp điều chỉnh mạnh hơn hoặc vượt qua được vùng kháng cự trước khi tăng tỷ trọng.

17/09/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	894.04	-0.38
VN30	831.84	-0.32
HĐTL VN30F1M	831.00	-0.43
HNXIndex	128.47	+0.47
HNX30	237.74	+0.15
UPCoM	59.87	+0.18
USD/VND	23,179	+0.04
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.82	-0
Lãi suất qua đêm (%)	0.15	+5
Dầu (WTI, \$)	40.00	-0.40
Vàng (LME, \$)	1,941.11	-0.93

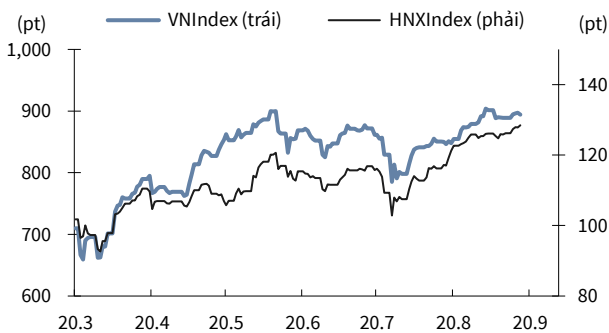


Điểm nhấn thị trường

VNIndex	894.04 (-0.38%)
KLGD (triệu CP)	371.1 (+44.5%)
GTGD (triệu US\$)	282.3 (+29.5%)
HNXIndex	128.47 (+0.47%)
KLGD (triệu CP)	58.4 (+9.9%)
GTGD (triệu US\$)	30.3 (+34.7%)
UPCoM	59.87 (+0.18%)
KLGD (triệu CP)	36.8 (+20.0%)
GTGD (triệu US\$)	15.3 (+14.2%)
NĐTNN mua ròng (triệu US\$)	-6.0

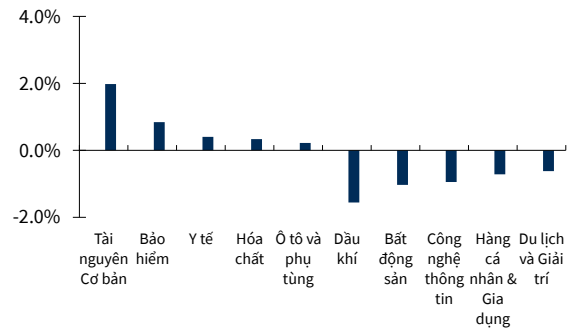
TTCK Việt Nam có phiên điều chỉnh nhẹ ngày hôm nay, tương đồng với diễn biến giảm của TTCK Châu Á khi mà nhà đầu tư thất vọng với việc FED không đưa ra các gói kích thích tài chính bổ sung trong cuộc họp diễn ra vừa qua. Áp lực bán tăng mạnh khiến nhóm cổ phiếu hàng tiêu dùng đồng loạt giảm giá ở MSN (-1.6%), PNJ (-1.5%), MWG (-0.4%). Trong khi đó, cổ phiếu ngân hàng giao dịch tích cực hơn thị trường chung với các mã tăng giá như CTG (+0.4%), ACB (+1.4%) trước việc Goldman Sachs đưa ra dự báo lạc quan với tăng trưởng GDP Việt Nam trong năm 2020, 2021 lần lượt là 2.7% và 8.1%. Cổ phiếu ngành chứng khoán tiếp tục đà tăng điểm ở SSI (+0.6%), HCM (+0.2%) trước diễn biến tăng của thanh khoản thị trường. Thông tin từ Hiệp hội Thép Việt Nam cho biết sản lượng tiêu thụ thép cả nước tăng mạnh trong tháng 8 tiếp tục giúp cổ phiếu ngành thép tăng giá ở HPG (+2.8%), NKG (+0.3%). Nhà đầu tư nước ngoài có phiên bán ròng ở VHM (-0.7%), BID (-0.1%), VNM (+0.2%).

VNIndex & HNXIndex



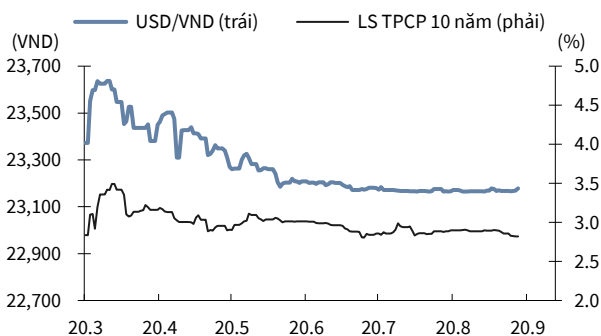
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



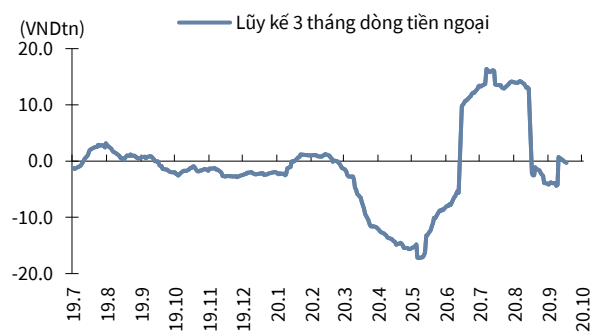
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



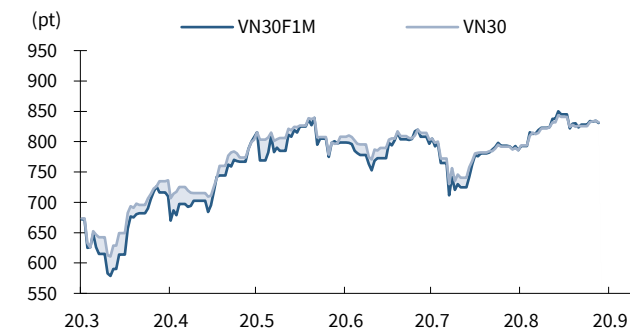
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	831.84 (-0.32%)
VN30F1M	831.0 (-0.43%)
Mở cửa	833.3
Cao nhất	836.6
Thấp nhất	827.1
KLGD (HĐ)	103,206 (+59.5%)

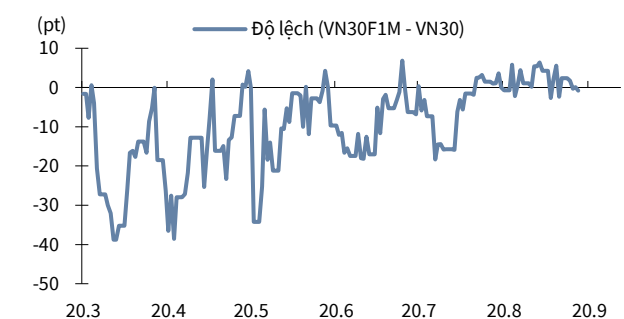
HĐTL giảm nhẹ trong bối cảnh TTCK thế giới điều chỉnh sau phiên họp FED diễn ra mới đây. Chênh lệch F2009 và VN30 mở cửa ở -1.1 điểm, và giao động chủ yếu trong biên độ -3.1 và 1.1 điểm. Gần thời điểm đóng cửa phiên đáo hạn phái sinh ngày hôm nay, chênh lệch biến động mạnh và đóng cửa ở mức -0.84 điểm. NĐTNN mua ròng ở cả 2 HĐTL F2009 và F2010. Thanh khoản thị trường ở mức thấp.

HĐTL VN30F1M & VN30



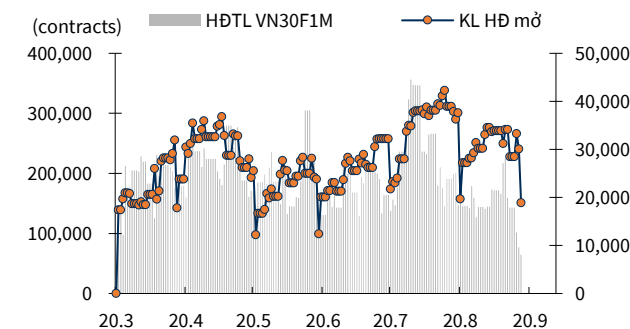
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



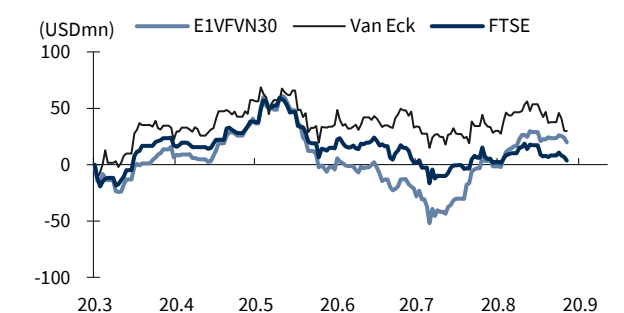
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

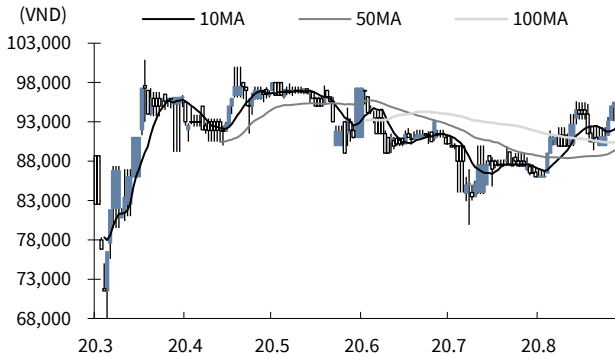
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

Vingroup (VIC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VIC giảm -1.6% xuống 94,000 VNĐ/cp.
- VIC mới đây cho ra mắt ứng dụng mới VinShop trên nền tảng điện thoại (Android, iOS), với công dụng giúp kết nối và phân phối hàng hoá giữa các chủ cửa hàng tạp hoá truyền thống (chiếm 75% thị phần bán lẻ tại Việt Nam) với các đối tác, nhà cung ứng của Vingroup. Cụ thể, thông qua dịch vụ này, chủ tiệm tạp hoá truyền thống nhỏ lẻ có thể nhập hàng với giá bán buôn trực tiếp từ các nhà cung cấp (mô hình điện tử bán buôn B2B).

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

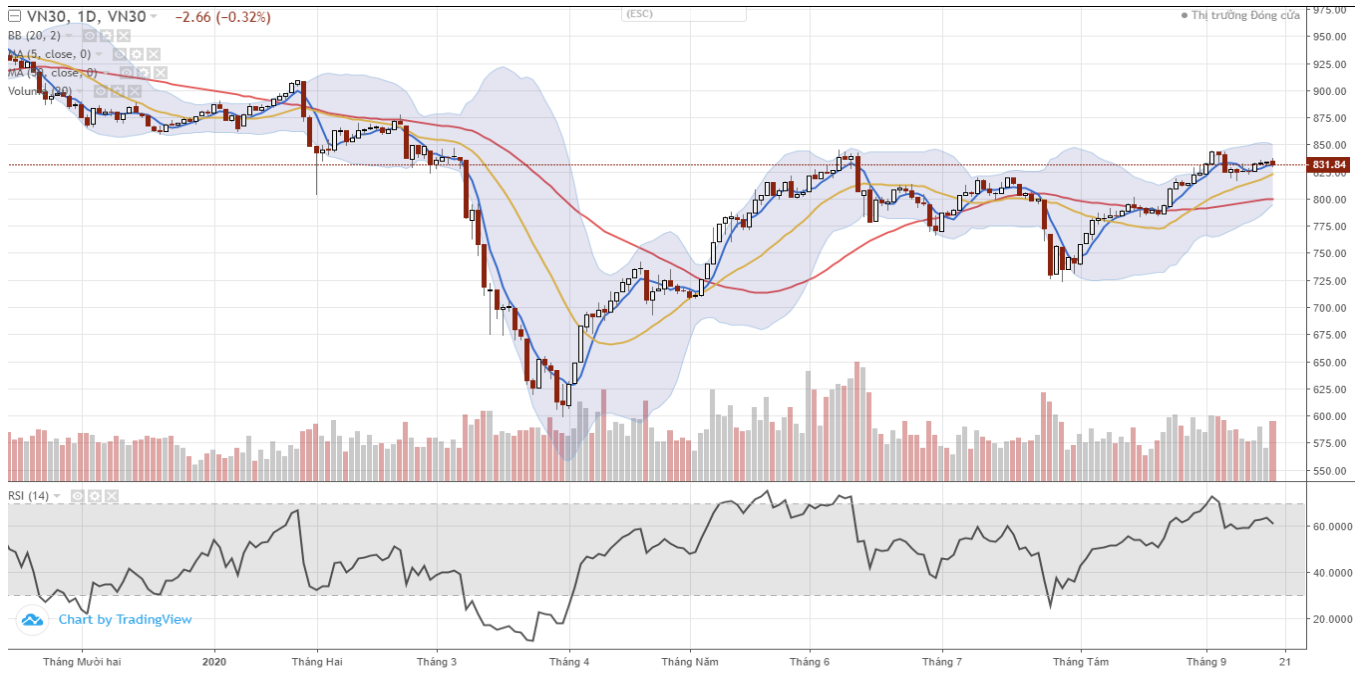
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex giảm điểm với áp lực bán cuối phiên gia tăng trong ngày đáo hạn HĐ tương lai tháng 9.
- Diễn biến đuối sức khi thử thách vùng kháng cự sát mốc 900 khiến chỉ số tiếp tục vận động trong vùng trung tính. Trong kịch bản điều chỉnh, VNIndex sẽ nhận được lực đỡ từ vùng hỗ trợ 886-890.
- NĐT được khuyến nghị chờ chỉ số xuất hiện thêm nhịp điều chỉnh mạnh hơn hoặc vượt qua được vùng kháng cự trước khi tăng tỷ trọng.

Chỉ số VN30



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai - VN30F1M



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VN30 và F1 giảm điểm với các nhịp biến động trái chiều liên tiếp trong phiên đảo hạm HD tháng 9.
- Diễn biến dưới sức khi thử thách quanh cận trên 837 của vùng kháng cự khiến chỉ số tiếp tục vận động trong vùng trung tính. Trong kịch bản điều chỉnh, VN30 sẽ nhận được lực đỡ từ vùng hỗ trợ 824-828.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục giao dịch 2 chiều trong phiên, SHORT khi chỉ số chạm kháng cự và LONG khi chỉ số quay xuống hỗ trợ.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

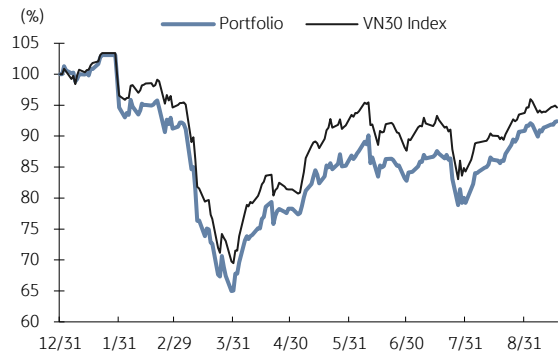
Khởi phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng chốt lời tại +30% và cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.32%	0.10%
Tăng lũy kế (YTD)	-5.37%	-7.59%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 17/09/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	94,200	-0.4%	-18.7%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	28,200	-0.7%	5.2%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	59,800	-1.5%	-22.0%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	18,100	0.0%	-8.2%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	39,900	2.3%	17.4%	- Mảng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	50,000	-1.0%	49.4%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	25,300	0.4%	3.7%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
Vietjet (VJC)	05/02/2019	105,900	-0.9%	-18.0%	- Giá cổ phiếu sụt giảm mạnh do tác động ngắn hạn của dịch Corona - Hưởng lợi từ diễn biến sụt giảm sâu của giá dầu - Triển vọng dài hạn khả quan, kỳ vọng việc dự án Long Thành được đẩy nhanh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	25,400	2.8%	30.0%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbaco City Development (KBC)	09/03/2020	13,650	0.0%	-0.4%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VIC	-1.6%	13.8%	48.9
E1VFN30	0.0%	98.9%	30.7
SSI	0.6%	48.3%	25.5
VCB	-0.5%	23.5%	24.0
NT2	0.2%	18.8%	11.9

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VHM	-0.7%	22.5%	-56.7
BID	-0.1%	17.6%	-46.6
VNM	0.2%	58.5%	-24.4
NBB	25.0%	8.3%	-19.6
VRE	-2.1%	30.6%	-14.7

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
IDV	0.0%	15.2%	0.4
WCS	0.5%	26.3%	0.3
BVS	0.0%	24.0%	0.2
SHS	0.0%	5.5%	0.1
TMB	0.0%	0.0%	0.1

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SHB	0.7%	6.7%	-15.9
VCS	-0.9%	3.1%	-4.7
PVS	-0.8%	10.3%	-1.2
SD5	0.0%	3.3%	-0.7
SĐT	1.9%	5.9%	-0.6

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tài nguyên Cơ bản	3.6%	HPG, HSG
Xây dựng và Vật Liệu	3.2%	VGC, PC1
Y tế	1.6%	DHG, IMP
Công nghệ thông tin	1.4%	FPT, SGT
Bất động sản	1.4%	VIC, PDR

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ô tô và phụ tùng	-0.3%	TCH, SVC
Thực phẩm và đồ uống	-0.2%	MSN, SAB
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.0%	GEX, PAN
Dầu khí	0.0%	PLX, PVD
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.1%	GAS, PPC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ	13.9%	MWG, DGW
Dịch vụ tài chính	11.7%	VCI, SSI
Hóa chất	10.2%	GVR, DGC
Dầu khí	9.8%	PLX, PVD
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	8.7%	GEX, REE

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	1.7%	PNC, AAA
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.8%	TTE, S4A
Ngân hàng	3.9%	VCB, EIB
Bất động sản	4.0%	VHM, VPI
Ô tô và phụ tùng	4.7%	TCH, SVC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	94,000	317,948 (13,717)	61,355 (2.6)	22.9	51.3	37.6	21.9	6.6	8.7	3.6	3.3	-1.6	3.9	7.2	-18.3
	VHM	VINHOMES JSC	76,700	252,306 (10,885)	165,617 (7.1)	26.5	9.4	8.1	35.1	38.7	31.2	3.0	2.2	-0.6	-1.8	-3.8	-9.6
	VRE	VINCOM RETAIL JS	28,300	64,307 (2,774)	79,264 (3.4)	18.4	25.3	18.7	2.8	9.1	11.7	2.3	2.1	-2.1	-0.4	6.8	-16.8
	NVL	NO VA LAND INVES	63,400	61,563 (2,656)	79,191 (3.4)	32.7	16.8	17.5	1.8	14.3	11.9	2.4	-	-0.6	1.0	0.2	6.6
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	24,100	13,467 (581)	14,381 (0.6)	6.2	12.4	10.3	14.7	14.1	15.8	1.6	1.4	-1.2	0.6	3.1	-5.9
	DXG	DAT XANH GROUP	10,350	5,364 (231)	46,199 (2.0)	13.5	7.6	5.1	-29.0	7.4	14.0	0.6	0.6	1.5	4.3	9.8	-28.6
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	82,500	305,982 (13,201)	104,738 (4.5)	6.5	18.2	15.3	11.7	19.8	19.2	3.1	2.6	-0.5	0.5	0.2	-8.5
	BID	BANK FOR INVESTM	40,500	162,892 (7,028)	52,646 (2.3)	12.4	34.6	20.0	-10.3	9.1	12.3	2.2	2.0	-0.1	0.0	4.7	-12.2
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	21,300	74,553 (3,216)	50,366 (2.2)	0.0	7.3	6.2	3.6	15.6	15.5	1.0	0.9	-0.5	-0.7	6.0	-9.6
	CTG	VIETNAM JS COMM	25,300	94,202 (4,064)	128,710 (5.6)	0.0	13.6	11.1	18.7	10.2	11.4	1.2	1.1	0.4	0.0	7.7	21.1
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,850	55,703 (2,403)	98,106 (4.2)	0.0	7.2	6.2	1.6	16.7	16.2	1.1	0.9	-0.7	0.2	7.3	14.3
	MBB	MILITARY COMMERC	18,100	43,647 (1,883)	88,447 (3.8)	0.0	6.0	5.1	8.0	18.0	17.6	0.9	0.8	0.0	1.7	5.8	-13.0
	HDB	HDBANK	29,600	28,591 (1,233)	34,371 (1.5)	9.3	7.1	6.2	20.1	20.2	20.1	1.2	1.1	-0.8	1.0	7.2	7.4
	STB	SACOMBANK	11,450	20,652 (891)	101,766 (4.4)	14.3	12.7	8.1	1.6	6.8	9.0	0.7	0.7	-0.9	2.2	7.5	13.9
	TPB	TIEN PHONG COMME	22,950	18,740 (809)	15,285 (0.7)	0.0	6.5	5.1	26.3	22.5	20.2	1.2	1.0	0.0	-1.3	9.0	9.0
EIB	VIETNAM EXPORT-I	17,000	20,900 (902)	4,950 (0.2)	0.1	36.6	35.1	-6.9	3.6	3.6	1.3	1.2	0.3	1.2	0.0	-4.5	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	48,400	35,928 (1,550)	45,920 (2.0)	20.7	29.4	24.9	2.6	6.3	7.7	1.8	1.8	0.5	0.2	6.4	-29.4
	BMI	BAOMINH INSURANC	25,350	2,316 (100)	10,550 (0.5)	14.2	-	-	-	8.2	9.1	1.0	1.0	2.6	2.8	14.4	2.2
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	16,000	9,615 (415)	82,514 (3.6)	51.7	11.1	8.9	-16.8	9.0	10.6	0.9	0.9	0.6	0.9	10.3	2.8
	VCI	VIET CAPITAL SEC	28,400	4,700 (203)	26,403 (1.1)	71.5	10.1	7.9	-24.9	11.1	13.0	1.1	1.0	-0.9	2.2	30.9	-3.7
	HCM	HO CHI MINH CITY	20,300	6,192 (267)	62,099 (2.7)	51.2	13.9	8.6	-22.5	11.0	17.1	1.4	1.3	0.2	2.3	14.7	-4.9
	VND	VNDIRECT SECURIT	12,650	2,638 (114)	7,806 (0.3)	13.8	11.4	7.1	-19.1	7.4	11.2	0.8	0.7	0.0	1.6	9.1	-12.2
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	124,500	216,802 (9,353)	162,256 (7.0)	41.5	20.9	19.4	6.6	37.8	38.2	7.2	6.5	0.2	-0.2	6.4	6.9
	SAB	SAIGON BEER ALCO	188,200	120,689 (5,207)	20,077 (0.9)	36.8	29.8	25.7	-1.0	20.9	23.2	6.0	5.4	0.0	-0.4	2.4	-17.5
	MSN	MASAN GROUP CORP	54,000	63,433 (2,737)	71,295 (3.1)	10.9	72.0	28.2	-57.2	2.2	6.2	1.6	1.7	-1.6	-1.5	1.9	-4.4
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,150	13,469 (581)	27,109 (1.2)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	0.4	-2.8	0.4	-12.6
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	105,900	55,475 (2,393)	48,579 (2.1)	12.3	-	16.1	-	8.9	21.4	3.4	3.2	-0.9	-0.1	5.7	-27.6
	GMD	GEMADEPT CORP	23,500	6,978 (301)	16,390 (0.7)	0.0	18.2	16.3	-54.7	6.9	7.5	1.2	1.2	0.4	-1.3	11.4	0.9
	CII	HO CHI MINH CITY	18,650	4,454 (192)	26,275 (1.1)	34.5	9.4	8.7	142.2	9.6	9.4	0.9	0.8	1.1	3.6	6.9	-17.1
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	2,170	1,232 (0.5)	11,656 (0.5)	46.9	-	-	-	-	-	-	-	-0.9	0.0	-2.3	-87.5
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	24,400	11,467 (495)	191,614 (8.3)	33.6	29.9	12.8	-20.9	10.5	13.6	-	-	-2.4	-5.8	15.1	26.1
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,585 (241)	46,140 (2.0)	2.2	9.6	9.6	-37.9	6.7	7.0	0.7	0.6	0.4	-0.8	-8.5	42.7
	REE	REE	39,900	12,371 (534)	16,809 (0.7)	0.0	8.1	7.2	-9.9	13.4	14.0	1.1	1.0	2.3	2.3	14.0	9.9

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	71,700	137,230 (5,920)	44,397 (1.9)	45.7	18.3	14.3	-18.6	15.5	19.2	2.8	2.6	-0.4	-0.4	-0.4	-23.5
	NT2	PETROVIETNAM NHO	23,850	6,866 (296)	6,828 (0.3)	30.2	9.8	9.7	-2.8	16.8	17.4	1.6	1.6	0.2	2.1	9.9	10.2
	PPC	PHA LAI THERMAL	23,950	7,679 (331)	5,286 (0.2)	32.9	8.2	8.7	-8.9	15.5	14.5	1.2	1.2	-1.2	-2.0	3.2	-11.0
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	25,400	84,157 (3,631)	317,120 (13.7)	14.1	8.9	7.5	3.7	18.1	19.4	1.5	1.3	2.8	3.5	4.5	29.7
	DPM	PETROVIETNAM FER	16,850	6,594 (284)	64,569 (2.8)	37.8	11.0	11.8	-0.7	8.9	7.9	0.8	0.8	-0.3	0.0	19.9	30.1
	DCM	PETRO CA MAU FER	10,050	5,320 (230)	23,159 (1.0)	47.2	-	-	-	-	-	-	-	-0.5	7.5	16.9	54.6
	HSG	HOA SEN GROUP	13,450	5,976 (258)	132,192 (5.7)	39.8	7.2	7.2	45.8	14.4	12.5	0.9	0.8	-2.5	13.5	18.5	80.8
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,300	2,598 (112)	37,122 (1.6)	97.6	5.8	6.6	45.6	13.3	10.5	0.6	0.6	0.8	-2.4	-0.8	-3.1
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	50,000	60,291 (2,601)	80,512 (3.5)	4.2	48.6	17.9	-40.0	5.8	15.1	2.5	2.1	-1.6	-0.2	8.2	-10.7
	PVD	PETROVIETNAM DRI	11,200	4,717 (203)	64,780 (2.8)	37.1	43.9	22.5	-15.6	0.9	0.8	0.3	0.3	-1.3	3.2	3.2	-25.6
	PVT	PETROVIET TRANSP	12,400	3,490 (151)	24,013 (1.0)	28.5	8.1	7.1	-18.0	9.2	9.9	0.7	0.6	-1.2	6.9	14.8	-26.2
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	94,200	42,642 (1,840)	86,689 (3.7)	0.0	12.1	9.4	9.3	26.5	27.4	2.8	2.3	-0.4	0.3	14.6	-17.4
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	59,800	13,462 (581)	38,839 (1.7)	0.0	15.3	12.8	-1.8	21.3	23.2	2.7	2.5	-1.5	0.0	7.0	-30.5
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	49,400	1,458 (063)	566 (0.0)	69.3	20.8	15.1	-28.1	6.7	8.5	1.3	1.3	-0.2	0.4	-1.2	33.5
	FRT	FPT DIGITAL RETA	24,900	1,967 (085)	16,827 (0.7)	13.3	16.6	11.3	-41.1	9.1	12.6	1.4	1.2	-0.8	1.8	9.9	18.3
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	58,000	7,859 (339)	80,198 (3.5)	36.3	7.4	7.1	29.4	36.8	29.8	2.6	2.3	-1.0	-0.9	7.4	51.8
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	106,000	13,859 (598)	1,364 (0.1)	45.3	20.8	19.2	8.0	20.3	19.8	3.9	3.7	1.5	3.0	10.5	15.8
	PME	PYMEPHARCO JSC	69,300	5,198 (224)	3,445 (0.1)	37.9	14.7	-	7.3	16.4	-	2.4	-	-1.1	-1.0	6.9	27.6
IT	FPT	FPT CORP	50,000	39,195 (1,691)	93,458 (4.0)	0.0	11.5	9.9	18.3	23.9	25.0	2.4	2.2	-1.0	1.6	6.4	-1.4

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Vĩ mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh
anhdt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Vĩ mô – Thái Thị Việt Trinh
trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng
tungla@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu
hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng
tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga
ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Lê Thành Công
congtl@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ngân hàng Tài chính – Nguyễn Thị Thu Huyền
huyenntt@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim
harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung
dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh
danhnt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh
vinhn@kbsec.com.vn

Bộ phận Marketing Research

Chuyên viên Marketing Hàn Quốc – Seon Yeong Shin
shin.sy@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.